

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số: 102/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện.

2. Ông Dương Văn Xây

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hoài- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 502 /2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 25, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. *(Có mặt tại phiên tòa)*

Bị đơn: Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1975

ĐKKH: Tổ 25, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. *(Vắng mặt lần 2 tại phiên tòa).*

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph trình bày: Ông và bà Đoàn Thị H, kết hôn vào năm 1994, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc gì đồng thời được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại gia đình ông ở xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ. Năm 2007 vợ chồng cùng đi làm ăn xa, đến năm 2013 vợ chồng về Thái

Nguyên làm ăn và sinh sống, từ đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, từ tình cảm vợ chồng cho đến công việc làm ăn nên vợ chồng mất lòng tin và không còn sự tôn trọng đối với nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã xô sát. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với bà H để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 hiện đã có gia đình riêng và cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 22/02/2001 các con đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Ông Ph xác định không có tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Ph nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị H, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt. Tại biên bản làm việc ngày 09/7/2019, có mặt của tổ trưởng dân phố, bà H xác định đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, biết được quan điểm của ông Ph trong vụ án Hôn nhân và gia đình này, cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ nhiều năm nay, tuy nhiên bà là người theo đạo thiên chúa nên bà không nhất trí ly hôn với ông Ph nên sẽ không ký nhận bất kỳ văn bản nào của Tòa án đồng thời sẽ không viết bản tự khai hay đến Tòa để tham gia tố tụng khi Tòa án triệu tập và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi trình bày bà H không ký biên bản làm việc, sự việc này có chứng kiến của tổ trưởng tổ dân phố.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã làm các thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bà H, tuy nhiên bà H vẫn vắng mặt, vì vậy không tiến hành hòa giải được, nên vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Kết thúc phần hỏi, vị đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền và quan hệ tranh chấp; Thực hiện các hoạt động tố tụng và thời hạn mở phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 51, Điều 56 ; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ph, cho ông Ph được ly hôn với bà Đoàn Thị H. Về con chung hiện nay các con đã trưởng thành nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay không có, không yêu cầu nên không xem xét. Ông Nguyễn Văn Ph chịu án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Đoàn Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Đoàn Thị H kết hôn với nhau vào năm 1994 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Nông huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc gì nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân ông Ph yêu cầu giải quyết ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nên không có tiếng nói chung, vì lý do đó vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án bà H không hợp tác, không đến Tòa để giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại biên bản làm việc ngày 09/7/2019 bà H xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ lâu tuy nhiên bà theo đạo thiên chúa nên chưa nhất trí ly hôn đồng thời sẽ không ký nhận hay tham gia bất kỳ buổi tiến hành tố tụng tại Tòa án. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa ông Ph và bà H đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và trên thực tế cuộc hôn nhân này đã không còn tồn tại từ khi hai vợ chồng sống ly thân và không ai còn quan tâm đến ai. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ph là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

Điều 51: Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn

1. Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Điều 56: Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng. Còn đối với cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 22/02/2001. Tại thời điểm Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, cháu H1 đã trên 18 tuổi, vì vậy Tòa án cũng không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Ông Ph xác định không có tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phía bà H, tuy không có lời khai tại Tòa án nhưng khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và biết được yêu cầu giải quyết của ông Ph trong vụ án này bà H không có ý kiến gì về phần tài sản, do vậy đối với việc giải quyết tài sản chung vợ chồng, nợ chung và các khoản cho vay, Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu bà H có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] **Về án phí:** Ông Ph phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Văn Ph cho ông Nguyễn Văn Ph được ly hôn đối với bà Đoàn Thị H.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Không có, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Nguyễn Văn Ph phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001846 ngày 19/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Các đương sự
- Lưu HS; lưu BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thuận

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Thuận

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Ph**

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ, ngày 22/11/2018

Tại: Phòng nghị án- Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu Thuận

* *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Quang Thái

2. Bà Hà Thị Dung

Tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 685/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 về việc “ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trương Công Thủy, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn An Lạc, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Anh TH, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Tổ 18, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Công Thủy, cho anh Thủy được ly hôn với chị Nguyễn Thị Anh TH.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao con chung là Trương Phú An, sinh ngày 12/5/2014 cho chị TH được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị TH không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.4. Án phí: Anh Thủy phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006817 ngày 14/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị TH có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Anh Thủy có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Thuận

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Ph**

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ, ngày 22/11/2018

Tại: Phòng nghị án- Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu Thuận

* *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Quang Thái

2. Bà Hà Thị Dung

Tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 685/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 về việc “ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trương Công Thủy, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn An Lạc, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Anh TH, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Tổ 18, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Công Thủy, cho anh Thủy được ly hôn với chị Nguyễn Thị Anh TH.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao con chung là Trương Phú An, sinh ngày 12/5/2014 cho chị TH được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị TH không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.4. Án phí: Anh Thủy phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006817 ngày 14/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị TH có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Anh Thủy có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Thuận

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- Đương sự;
- UBND phường Đồng Quang;
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thuận